

# Ngân hàng số và Fintech - Thách thức hiện hữu của ngân hàng truyền thống

TS. NGUYỄN TƯỜNG VÂN  
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- NGÀY NHẬN BÀI: 13/9/2022 ● NGÀY GỬI PHẢN BIỆN: 20/9/2022
- NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 6/10/2022

**Tóm tắt:** Ngân hàng số (digital banking) là một thuật ngữ mới trong ngành tài chính - ngân hàng, đang phát triển mạnh mẽ và trở thành xu thế tất yếu trong phát triển của ngành tài chính - ngân hàng. Sự phát triển của dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ số có thể giúp các ngân hàng đổi mới toàn diện từ quy trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ, đổi mới hệ thống kênh phân phối, mở rộng danh mục sản phẩm, cung cấp dịch vụ cho một phạm vi khách hàng rộng lớn hơn với chi phí thấp hơn. Bài viết đề cập một số vấn đề lý thuyết cơ bản về ngân hàng số, phân tích xu hướng phát triển của ngân hàng số và Fintech trên thế giới hiện nay, qua đó hàm ý một số khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngân hàng, ngân hàng số, ngân hàng điện tử, dịch vụ ngân hàng, fintech

## 1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG SỐ

### 1.1. Khái niệm ngân hàng số

Nhìn chung, khi nói đến ngân hàng số, người ta đều hàm ý rằng: *Ngân hàng số là ngân hàng có thể giúp khách hàng thực hiện hầu hết các giao dịch ngân hàng truyền thống bằng hình thức trực tuyến thông qua kết nối Internet. Tất cả các giao dịch ngân hàng sẽ gói gọn trên Website hoặc thiết bị di động.* Giao dịch của ngân hàng số không yêu cầu khách hàng phải đến chi nhánh ngân hàng và giảm thiểu đến mức tối đa những thủ tục giấy tờ liên quan. Đồng thời, các giao dịch của ngân hàng số có thể thực hiện mọi lúc, mọi nơi,

không phụ thuộc vào thời gian và không gian, tạo sự chủ động cho khách hàng.

Ngân hàng số được phát triển trong kỷ nguyên ngân hàng điện tử bằng việc tích hợp các công nghệ số hóa trên mạng internet và điện thoại, ví dụ như các công cụ phân tích chiến lược, tiếp xúc khách hàng trên mạng xã hội, các giải pháp thanh toán đột phá, công nghệ di động và tập trung vào trải nghiệm khách hàng.

### 1.2. Các giai đoạn phát triển của ngân hàng số

Ngành ngân hàng toàn cầu đang trải qua biến đổi chưa từng thấy và đang phải

**SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TRÊN NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ SỐ CÓ THỂ GIÚP CÁC NGÂN HÀNG ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN TỪ QUY TRÌNH CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, ĐỔI MỚI HỆ THỐNG KÊNH PHÂN PHỐI, MỞ RỘNG DANH MỤC SẢN PHẨM, CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO MỘT PHẠM VI KHÁCH HÀNG RỘNG LỚN HƠN VỚI CHI PHÍ THẤP HƠN.**

thay đổi để đáp ứng với những biến đổi này. Theo quan điểm chuyên môn về công nghệ truyền thông và tài chính (Tâm, 2018), sự phát triển các ngân hàng trên thế giới đang trải qua 3 giai đoạn chính:

**Giai đoạn số hóa (digitization):** Giai đoạn mà các ngân hàng cải thiện hiệu quả hoạt động bằng cách áp dụng công nghệ vào các dữ liệu, tài nguyên hoặc vào các quy trình riêng lẻ trong hoạt động. Ở giai đoạn này, các ngân hàng sẽ thay đổi các dịch vụ, quy trình thủ công, truyền thống sang các quy trình số, trực tuyến hoặc qua máy tính.

**Giai đoạn chuyển đổi kỹ thuật số (digital transformation):** Trong giai đoạn này, các ngân hàng thực hiện số hóa toàn bộ hoạt động ngân hàng tạo nên trải nghiệm khách hàng, hỗ trợ nhu cầu khách hàng những gì họ mong muốn. Giai đoạn chuyển đổi kỹ thuật số ở các ngân hàng bao gồm việc tích hợp và kết nối các quy trình số ở giai đoạn 1 với nhau để mang đến trải nghiệm khách hàng có tính cá nhân. Ví dụ các sáng kiến bán hàng đa kênh, hay xem các thông tin từ một nơi duy nhất.

**Giai đoạn tái tạo số (Digital reinvention):**

Đây là giai đoạn các ngân hàng kết hợp công nghệ và nền tảng kỹ thuật số chưa từng có trước đây để tạo ra doanh thu và kết quả thông qua các chiến lược sản phẩm và trải nghiệm sáng tạo. Tái tạo số trong ngân hàng yêu cầu các ngân hàng xác định lại căn bản cách thức mà ngân hàng tương tác với khách hàng và các bên liên quan. Ví dụ, xây dựng các mối quan hệ tổng thể chuyên sâu với khách hàng để có thể quản lý toàn bộ các dịch vụ tài chính của khách hàng đi kèm với các dịch vụ khác nhằm đáp ứng yêu cầu và mong muốn của khách hàng.

### 1.3. Ngân hàng số và ngân hàng điện tử

Khái niệm ngân hàng điện tử (electronic banking) có phạm vi hẹp hơn khái niệm ngân hàng số (digital banking). Ngân hàng điện tử chỉ là một dịch vụ tiện ích của ngân hàng và chỉ có thể giao dịch chuyển tiền, thanh toán hóa đơn và quản lý tài khoản một cách cơ bản chứ không chi tiết như ngân hàng số. Nói cách khác, ngân hàng điện tử chỉ tập trung số hóa một vài tính năng cốt lõi của ngân hàng, trong khi ngân hàng số bao hàm tất cả tính năng, hoạt động của ngân hàng.

Số hóa toàn bộ ngân hàng từ việc số hóa các sản phẩm, dịch vụ tương tác trực tiếp với khách hàng tới việc tự động hóa các quy trình xử lý nội bộ. Ngân hàng số cho phép giao dịch ngân hàng theo hướng nâng cao trải nghiệm, gồm cả trải nghiệm khách hàng và trải nghiệm cung cấp dịch vụ. Trải nghiệm khách hàng chính là việc khách hàng có thể tự giao dịch theo thời gian thực trên các thiết bị khác nhau. Ngân hàng cũng tăng khả năng cung cấp dịch vụ thông qua việc xử lý các giao dịch tự động xuyên suốt.

**CÁC NHÀ NGHIÊN CỨU CHO RẰNG NGÂN HÀNG SỐ KHÔNG ĐƠN GIẢN LÀ SỐ HÓA NGÂN HÀNG MÀ NGÂN HÀNG SỐ CẦN ĐƯỢC HIỂU LÀ MỘT MÔ HÌNH KINH DOANH MỚI, MỘT CÁCH TIẾP CẬN MỚI VỚI NHỮNG GIÁ TRỊ MỚI, THAY VÌ CHỈ SỐ HÓA NHỮNG THỨ ĐÃ CÓ.**

## 2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG SỐ TRÊN THẾ GIỚI

### 2.1. Ngân hàng số là xu hướng tất yếu

Hiện nay, xu thế số hóa hoạt động ngân hàng đang diễn ra rất mạnh mẽ và rõ ràng. Theo các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính, sự phát triển của dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ số có thể giúp các ngân hàng đổi mới toàn diện từ quy trình cung cấp sản phẩm dịch vụ, đổi mới hệ thống kênh phân phối, mở rộng danh mục sản phẩm, cung cấp dịch vụ cho một phạm vi khách hàng rộng lớn hơn với chi phí thấp hơn. Công nghệ số cũng là cơ hội để các quốc gia thúc đẩy tài chính toàn diện (financial inclusion), hướng tới việc cung cấp dịch vụ tài chính phù hợp và thuận tiện cho mọi cá nhân và tổ chức, đặc biệt đối với người có thu nhập thấp và dễ bị tổn thương nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận tài chính, góp phần tạo cơ hội sinh kế, luân chuyển dòng vốn đầu tư và tiết kiệm trong xã hội, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thực tế cho thấy, ngân hàng số đang thâm nhập vào mọi dịch vụ, sản phẩm của khu vực tài chính và có một đặc điểm đáng chú ý là khuynh hướng “di động” (mobile hay mobility): tiền di động, dịch vụ di động

ở mọi nơi, mọi chỗ,...

### 2.2. Dịch vụ ngân hàng mới và cạnh tranh

Cạnh tranh về dịch vụ ngân hàng số vẫn khốc liệt và diễn ra ở mọi nơi. Trung Quốc đại lục vẫn dẫn đầu về đổi mới dịch vụ tài chính, tập trung vào người tiêu dùng và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ở Ấn Độ, sự cạnh tranh giữa những người “khổng lồ” Trung Quốc và các công ty công nghệ Mỹ về những khối khách hàng, thị trường đang phát triển sẽ tiếp tục thúc đẩy những thay đổi nhanh chóng đối với hệ sinh thái tài chính (financial ecosystem). Đồng thời, các chiến lược gia về dịch vụ tài chính hiện thời ở các nền kinh tế của châu Á, như Úc, Singapore và Nhật Bản, đang chuẩn bị cho cuộc cạnh tranh tinh vi và khốc liệt.

Tái tạo số hướng đến ngân hàng thông minh với một hệ sinh thái mạnh mẽ và làm hài lòng khách hàng (Tâm, 2018). Ngân hàng thông minh tập trung hơn vào những giá trị gần gũi của khách hàng.

## 3. THÂM NHẬP CỦA CÔNG NGHỆ VÀO TÀI CHÍNH - FINTECH

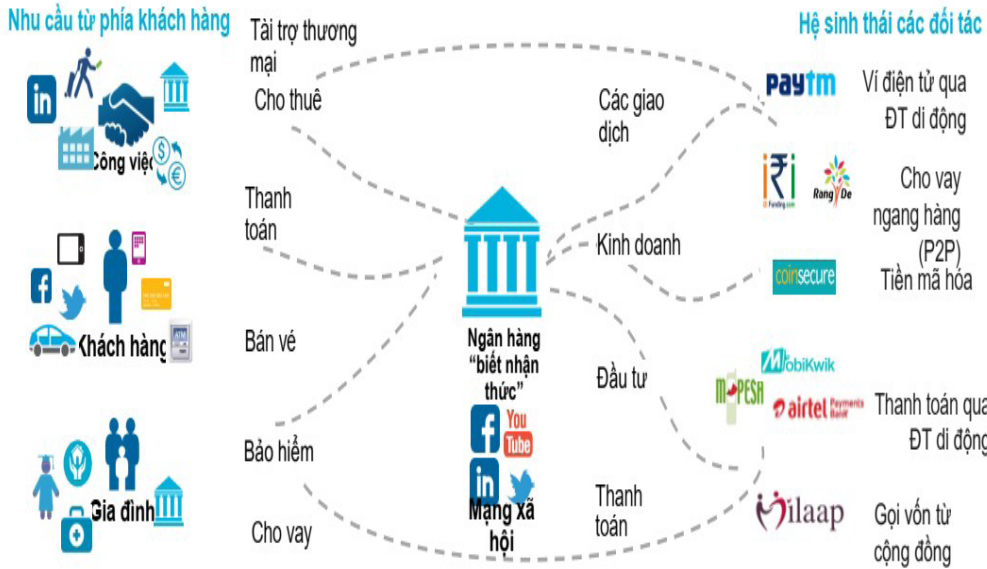
### 3.1. Khái quát về Fintech

Trên phương diện công nghệ, hay kỹ thuật số, chúng ta đang chứng kiến quá trình điện tử hóa hay số hóa các sản phẩm tài chính diễn ra mạnh mẽ. Có thể nói, đó là quá trình thâm nhập, giao thoa của hai lĩnh vực tài chính và công nghệ,... hình thành nên khái niệm Fintech. Do đó, khi đề cập đến Fintech người ta hàm ý các tổ chức kết hợp các mô hình kinh doanh và công nghệ tiên tiến (sáng tạo) để cho phép, tăng cường và phá vỡ các giới hạn hay là sự đột phá đối với các dịch vụ tài chính, ngân hàng truyền

**Cạnh tranh các dịch vụ ngân hàng mới**

Ngân hàng thông minh sẽ đóng một vai trò không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của khách hàng

Khách hàng sẽ giao phó cho các ngân hàng để quản lý các mối quan hệ với các nhà cung cấp dịch vụ khác



thống (EY, 2019b).

Trên quan điểm quản lý ngân hàng, (BIS/FSB, 2017), Fintech có thể được hiểu một cách rộng rãi là đổi mới về mặt công nghệ trong lĩnh vực tài chính, cho phép có thể dẫn đến các mô hình kinh doanh, ứng dụng, quy trình hoặc sản phẩm mới, có ảnh hưởng quan trọng đến thị trường tài chính, tổ chức tài chính và cung cấp dịch vụ tài chính. Đổi mới Fintech đang nổi lên trong nhiều khía cạnh của tài chính - thanh toán bán lẻ và bán buôn, cơ sở hạ tầng thị trường tài chính, quản lý đầu tư, bảo hiểm, cung cấp tín dụng và tăng vốn cổ phần.

Trong thực tế, không phải dễ dàng có sự nhất quán về ý nghĩa của thuật ngữ "Fintech". Các nhà nghiên cứu đã nỗ lực tìm hiểu sự phức tạp của Fintech và cố gắng đưa ra một định nghĩa qua xem xét hơn 200 bài báo học thuật đề cập đến thuật ngữ

Fintech và trong khoảng thời gian hơn 40 năm (Schueffel, 2017).

Với mục tiêu cho định nghĩa Fintech khác biệt cũng như cô đọng trong giao tiếp, nhưng đủ rộng trong phạm vi ứng dụng của nó; định nghĩa tập trung vào việc rút ra tinh hoa của Fintech bằng cả hai lĩnh vực. Áp dụng phân tích ngữ nghĩa và xây dựng dựa trên sự tương đồng của 13 định nghĩa tương tự của thuật ngữ này, kết luận rằng "Fintech là một ngành công nghiệp, lĩnh vực tài chính mới áp dụng công nghệ để cải thiện các hoạt động tài chính" (Schueffel, 2017).

Tuy nhiên, tại các nước EU, "Fintech" được định nghĩa và đưa ra các mức tiêu chuẩn quốc tế khá cụ thể (Kruse, 2018):

"Trên phương diện công nghệ, là sự cải tiến tài chính có thể (enabled financial innovation) tạo ra các mô hình kinh doanh, các ứng dụng,

*các quy trình hoặc sản phẩm mới có ảnh hưởng trọng yếu đến thị trường tài chính, các định chế tài chính cũng như việc cung cấp dịch vụ tài chính” (định nghĩa nghĩa rộng).*

Theo nghĩa rộng hơn, sản phẩm Fintech có thể là: (+) Giải pháp giữa Doanh nghiệp với người tiêu dùng (Business to Consume: B2C); (+) Các giải pháp giữa “Doanh nghiệp với Doanh nghiệp” (Business to Business: B2B); (+) Các ứng dụng hỗ trợ kinh doanh (back office applications) hoặc; (+) Giải pháp thay thế cho các chức năng lõi (core functions) của các ngân hàng truyền thống (dịch vụ thanh toán, quản lý tài sản);

Theo nghĩa hẹp, “fintech”, được sử dụng tương tự như các sáng kiến công nghệ.

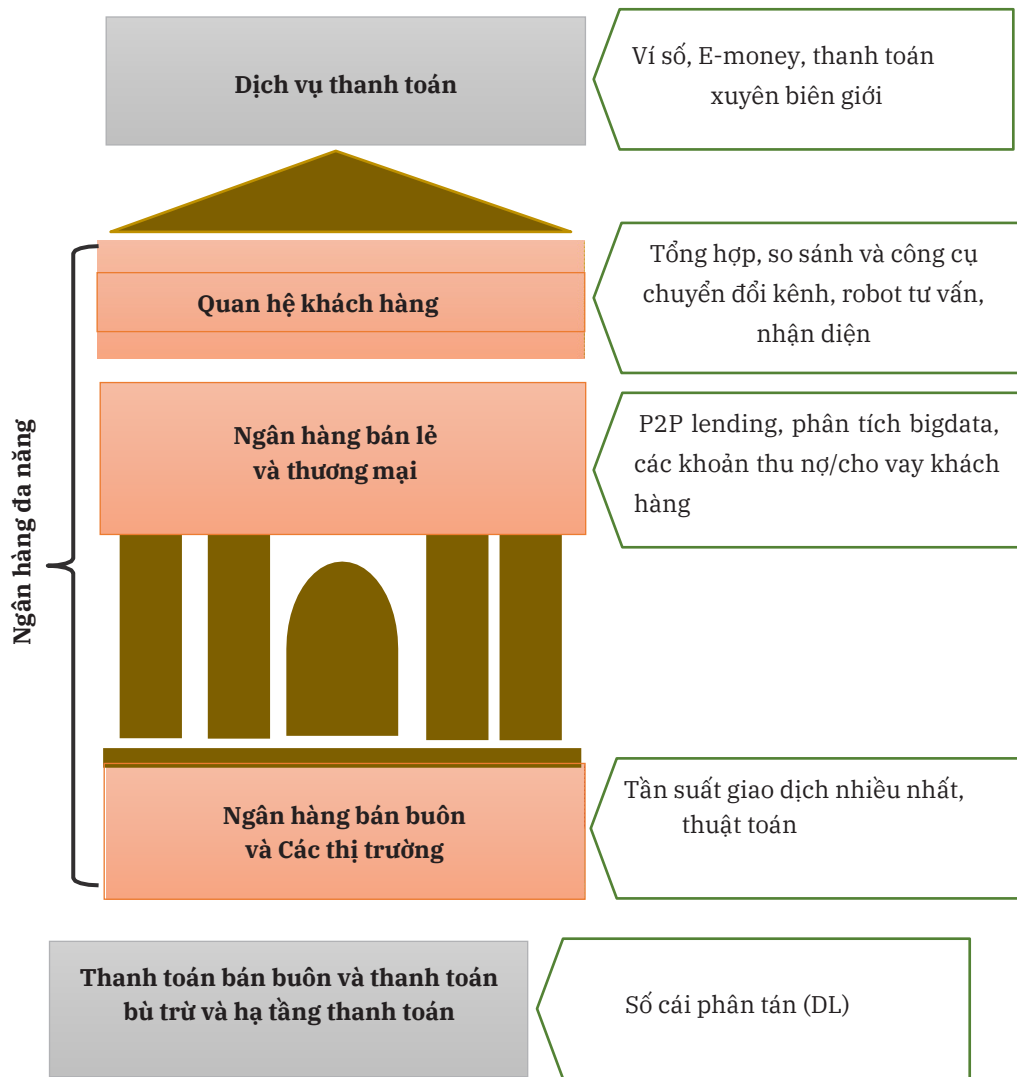
### 3.2. Các sản phẩm và dịch vụ chính của Fintech

Ngoài định nghĩa của FSB, BCBS cũng sử dụng phân loại các đổi mới của Fintech. Trong Bảng mô tả 3 lĩnh vực sản phẩm cũng như các dịch vụ hỗ trợ của thị trường. Ba lĩnh vực liên quan trực tiếp đến dịch vụ cốt lõi của ngân hàng, trong khi các dịch vụ hỗ trợ của thị trường liên quan đến đổi mới và công nghệ mới, không cụ thể đối với lĩnh vực tài chính nhưng cũng đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của Fintech.

Như đã nêu Fintech có thể được định nghĩa theo nghĩa rộng là đổi mới về mặt công nghệ trong lĩnh vực tài chính, cho phép có thể dẫn đến các mô hình kinh doanh, ứng dụng, quy trình hoặc sản phẩm

*Bảng: Các khu vực của đổi mới sáng tạo trong tài chính (BCBS/BIS, 2018)*

	Tín dụng, tiền gửi và các dịch vụ tạo vốn		Dịch vụ thanh toán, Dịch vụ thanh toán bù trừ		Dịch vụ quản lý đầu tư	
	Huy động vốn cộng đồng		Bán lẻ	Bán buôn		Kinh doanh rất thường xuyên
Thị trường cho vay thực tế		Ví di động		Mạng lưới chuyển giao tài sản		Kinh doanh theo mẫu tương tự
Ngân hàng di động (mobile banking)		Cheyển tiền ngang hàng (P2P transfer)		Bán buôn ngoại hối (FX)		Kinh doanh điện tử (E- trading)
Chấm điểm tín dụng		Tiền kỹ thuật số		Platform kỹ thuật số cho kinh doanh, giao dịch		Robot tư vấn
Các dịch vụ hỗ trợ của thị trường	Cổng tập trung, tập hợp thông tin					
	Hệ sinh thái (cơ sở hạ tầng, nguồn mở, các API...)					
	Các ứng dụng dữ liệu (phân tích dữ liệu lớn, học máy, mô hình dự báo)					
	Công nghệ “số cái phân tán”/ Distributed ledger technology(blockchain, hợp đồng thông minh-Smart contracts)					
	An toàn và bảo mật (nhận diện và xác thực khách hàng)					
	Điện toán đám mây					
	Internet vạn vật - IoT/ công nghệ di động					
Trí tuệ nhân tạo (robot, tự động hóa trong tài chính, thuật toán)						



*Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính của ngân hàng  
(Financial Services Value Chain) (Carney, 2017)*

mới có ảnh hưởng quan trọng đến thị trường tài chính, tổ chức tài chính và cung cấp dịch vụ tài chính (Carney, 2017). Đối mới Fintech đang nổi lên trong nhiều khía cạnh của dịch vụ tài chính - thanh toán bán lẻ và bán buôn, cơ sở hạ tầng thị trường tài chính, quản lý đầu tư, bảo hiểm, cung cấp tín dụng và tăng vốn cổ phần.

Fintech lending có hai loại khác nhau:

Fintech fins, hoạt động trực tiếp với người tiêu dùng, và Fintech business-to-business, hay Fintech B2B (Fintech từ doanh nghiệp đến doanh nghiệp), tập trung vào việc cung cấp các công nghệ chuyên biệt cho các ngân hàng. Bảng minh họa cho thấy có hai điểm khác biệt của các nhóm trong Fintech fin: thị trường ngang hàng hay có thể gọi là thị trường đồng cấp (peer-to peer



marketplaces) và người cho vay trực tuyến (online lenders) (đang phát triển cho thấy quá trình tiến bộ từ “Fintech tech” đến “Fintech fin” cũng trở nên năng động hơn) (Mazzotti & Caminiti, 2017).

**3.3. Các quan điểm về quản lý Fintech**

Thực tế đã cho thấy, đổi mới, sáng tạo nói chung và Fintech nói riêng không chỉ đem lại những lợi ích to lớn đối với các tổ chức

ngân hàng - tài chính mà nó cũng đặt ra những thách thức to lớn đối với các quốc gia trong cách ứng xử và quản lý hoạt động này.

Sự xuất hiện và phát triển với tốc độ nhanh của Fintech - một lĩnh vực hoàn toàn mới đã khiến hệ thống tài chính của các quốc gia đối mặt với nhiều thách thức, như nguy cơ rửa tiền và tài trợ khủng bố, rủi ro liên quan tới an ninh, an toàn, bảo mật thông tin,... Về hoạt động của Fintech,

**Bảng:** Các loại “Fintech cho vay” (Lending Fintech): Trong Fintech này, có hai khối kinh doanh chính: Fintech-Fins và Fintech-Techs. Các mô hình khác nhau (và mức độ trưởng thành) tồn tại trong mỗi khối (Mazzotti & Caminiti, 2017).

	“Fintech – Fin”		“Fintech – Tech”
	P2P hoạt động trên thị trường thực	Cho vay” Online”	
Mô hình kinh doanh / Mô hình hoạt động	Nhà đầu tư cá nhân và người vay gặp nhau để thực hiện việc (hiện thực hóa) trao đổi tiền	Chủ đầu tư, chủ yếu định chế, cho vay tiền cho người vay	Đưa ra cách thức chấm điểm tín dụng nâng cao (Advanced Credit Scoring), Tự động hóa tín dụng, nợ xấu quản lý và thực hiện giám sát / báo cáo (RegTech)
Đặc điểm chính	Các nhà đầu tư chấp nhận rủi ro	Rủi ro được chuyển từ nhà đầu tư vào nền tảng ”platform”	Chuyên ngành hóa về dịch vụ
Số năm hoạt động	10 năm hoặc ít hơn	10 năm hoặc ít hơn	Một số thành lập từ những năm 1980
Mối quan hệ với ngân hàng	Các khoản vay được tạo ra bởi các ngân hàng đối tác của ngân hàng và sau đó chuyển qua giấy vay tiền	Đại diện cho một sự thay thế nghiệp vụ “cho vay” truyền thống mà các ngân hàng thực hiện trước đây	Cách tiếp cận B2B. Fintech cung cấp cơ sở hạ tầng cho ngân hàng

**NGƯỜI TA DỰ BÁO RẰNG TRONG THỜI GIAN TỚI, TỪ “NGÂN HÀNG” SẼ ĐƯỢC DÙNG VỚI NGHĨA ĐỘNG TỪ NHIỀU HƠN LÀ DANH TỪ VÀ XÃ HỘI SẼ NÓI LỜI TẠM BIỆT VỚI CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CŨ ĐỂ MỞ CỬA CHÀO ĐÓN CÁC ỨNG DỤNG TÀI CHÍNH CÁ NHÂN (PERSONAL FINANCE APP STORE), VỚI HÀNG TRĂM HOẶC THẬM CHỈ HÀNG NGÀN DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ẢO (VIRTUAL FINANCIAL SERVICES) ĐƯỢC THIẾT KẾ PHÙ HỢP VỚI NHU CẦU CỤ THỂ CỦA RIÊNG CÁ NHÂN, GIA ĐÌNH HAY DOANH NGHIỆP VÀ NÓ HOẠT ĐỘNG 24/7.**

các cơ quan quản lý của các nước trên thế giới có hai trường phái, cách tiếp cận cơ bản khác nhau là cẩn trọng hay cởi mở:

*Các quan điểm cẩn trọng:* Trường phái này coi các sản phẩm và dịch vụ do công ty Fintech cung cấp giống như dịch vụ ngân hàng, do đó phải tuân thủ các quy định pháp lý về hoạt động giống ngân hàng cũng như các quy định bảo vệ người tiêu dùng và các quy định pháp lý khác (*same business, same risks, same rules*). Một số quốc gia như Hoa Kỳ, Pháp, Đức,... coi dịch vụ do Fintech cung ứng tương tự dịch vụ ngân hàng truyền thống, do đó các tổ chức này cần phải được cấp giấy phép hoạt động ngân hàng khi cung ứng dịch vụ (Sơn, 2019a).

Cách tiếp cận này giúp các quốc gia nói trên bảo vệ được lợi ích của khách hàng cũng như sớm đưa các công ty Fintech vào khuôn khổ quản lý. Tuy nhiên, trường phái này đối diện với một thách thức rất lớn đó là triệt tiêu khả năng sáng tạo của các công ty Fintech khi gò bó các công ty này vào các quy tắc quản lý vốn đã cũ, không còn phù hợp với thời đại công nghệ hiện nay (Sơn, 2019a).

*Quan điểm cởi mở:* Trường phái này chấp nhận đổi mới sáng tạo của Fintech; theo đó, các công ty Fintech cung cấp dịch vụ ngân hàng sẽ không bị ép buộc vào khuôn

khố hoạt động giống như các ngân hàng truyền thống, vì nếu thực hiện như vậy sẽ cản trở khả năng sáng tạo của các công ty Fintech, qua đó làm giảm động lực phát triển xã hội. Các nước ở khu vực châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương là các nước có xu hướng cởi mở và coi trọng thúc đẩy sáng tạo, đổi mới công nghệ đi theo trường phái này (Sơn, 2019a).

Với quan điểm này, các công ty Fintech có thể tự do vận dụng các sáng tạo, đổi mới của mình để làm mới các dịch vụ tài chính truyền thống, giúp giảm bớt các chi phí cho khách hàng, đồng thời mở rộng hơn nữa phạm vi cung ứng của các dịch vụ. Tuy nhiên, do khuôn khổ pháp lý cho các công ty Fintech không thể theo kịp sự biến đổi nhanh chóng của công nghệ, một số mô hình công ty Fintech có thể gây ra tổn thất cho khách hàng và ở quy mô lớn có thể dẫn tới đổ vỡ hàng loạt của các công ty Fintech. Sự thất bại và đổ vỡ hàng loạt của các công ty P2P tại Trung Quốc là một minh chứng khá rõ nét cho việc bùng nổ phát triển Fintech thiếu sự kiểm soát, quản lý từ cơ quan quản lý nhà nước.

Do đó, các quốc gia theo trường phái này thường tạo ra các cơ chế thử nghiệm hay thí điểm, giúp các công ty Fintech có thể thử nghiệm các dịch vụ/sản phẩm của



mình với quy mô hạn chế, có sự kiểm soát, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước nhằm hoàn thiện giải pháp, tăng cường kiểm soát rủi ro để các sản phẩm này có thể nhanh chóng cung ứng ra thị trường, phát huy hiệu quả, thúc đẩy cạnh tranh, trong khi vẫn đảm bảo khách hàng có thể tận hưởng các lợi ích mà Fintech đem lại trong một môi trường ít rủi ro hơn.

Kể từ khi quốc gia đầu tiên trên thế giới là Vương quốc Anh (Cơ quan Giám sát tài chính Anh - FCA) ban hành Khuôn khổ thử nghiệm Fintech (gọi tắt là Sandbox) vào tháng 11/2015, hiện đã có 28 quốc gia trên thế giới có cách tiếp cận tương tự. Ở khu vực Đông Nam Á, Singapore, Malaysia, Thái Lan và Inđônexia là 4 quốc gia đầu tiên ban hành “Regulatory Sandbox”, trong đó Singapore là quốc gia ban hành đầu tiên vào tháng 6/2016.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- *ATKearney. 2013. Banking in a Digital World.*
- *BBGV. 2019a. VIETNAM - Sector-Briefing FINTECH-2019. Business Centre of The British Business Group Vietnam (BBGV).*
- *BBGV. 2019b. Vietnam 2019 – Fintech.*
- *BBVA. 2017. Fintech in Emerging ASEAN\_ Trends and Prospects. BBVA Research.*
- *BCBS/BIS. 2018. Sound Practices Implications of fintech developments for banks and bank supervisors: Bank for International Settlements (BIS).*
- *Bhai.P.S, L. 2018. E-Bnaking in India -Problems and Prospects. Inteernational Journal of Current Engineering and Scientific Research (IJCESR).*
- *BIS/FSB. 2017. FinTech credit\_ Market structure, business models and financial stability implications, Report prepared by a Working Group established by the Committee on the Global Financial System (CGFS) and the Financial Stability Board*

**CÁC QUAN ĐIỂM CÁN TRỌNG COI CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO CÔNG TY FINTECH CUNG CẤP GIỐNG NHƯ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG, DO ĐÓ PHẢI TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ VỀ HOẠT ĐỘNG GIỐNG NGÂN HÀNG CÙNG NHƯ CÁC QUY ĐỊNH BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ KHÁC. QUAN ĐIỂM Cởi mở cho phép các công ty Fintech có thể tự do vận dụng các sáng tạo, đổi mới của mình để làm mới các dịch vụ tài chính truyền thống, giúp giảm bớt các chi phí cho khách hàng, đồng thời mở rộng hơn nữa phạm vi cung ứng của các dịch vụ.**

*(FSB): Bank for International Settlements (BIS) and Financial Stability Board.*

- *Bukht, R., & Heeks, R. 2018a. Defning, Conceptualising and Measuring the Digital Economy. International Organisations Research Journal*
- *Bukht, R., & Heeks, R. 2018b. Digital Economy Policy in Developing Countries. Capgemini. 2019. World Payment Report 2019.*
- *Carney, M. 2017. The Promise of FinTech – Something New Under the Sun (Speech given by: Governor of the Bank of England, Chair of the Financial Stability Board).*
- *Chinh\_phu. 2017. Chi Thị của Thu tương Chính phủ về tăng cường lực lực tiếp cận cuộc cách mạng lần thứ tư*
- *CIEM. 2018a. Phát triển nền kinh tế số nhìn từ kinh nghiệm một số nước châu Á và hàm ý đối với Việt Nam*
- *ĐCSVN. 2019. Nghị Quyết Số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*